TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2025.
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính.

Ông Lâm Quang Toản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị T, sinh ngày 01/01/1986 (có đơn xin vắng mặt).

Số căn cước công dân: ngày 18/11/2021.

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Minh G, sinh ngày 01/01/1984 (có đơn xin vắng mặt).

Số căn cước công dân: ngày 02/4/2024.

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày: Bà và ông Huỳnh Minh G được gia đình tổ chức lễ cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2004, đến nay không đăng ký kết hôn. Giữa bà với ông Giàu C một người con chung tên Huỳnh Hồng N, sinh ngày 10/5/2005 đã trưởng thành. Do cuộc sống chung không hòa hợp và đã tách ra sống riêng được khoảng hai năm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu không công nhận bà và ông Huỳnh Minh G là vợ chồng.

Về con chung: Huỳnh Hồng N, sinh ngày 10/5/2005 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Huỳnh Minh G vắng mặt, quá trình giải quyết có lời khai: Ông và bà T là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và về sống chung với nhau từ khoảng năm 2004. Sau khi cưới do điều kiện chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn được, về sau thì không nhớ nên đến nay giữa ông và bà T vẫn chưa đăng ký kết hôn, không được cơ quan nào cấp giấy chứng nhận kết hôn, do đó theo yêu cầu của bà T thì ông đồng ý không công nhận quan hệ giữa ông và bà T là vợ chồng. Về con chung thì có một người tên Huỳnh Hồng N, sinh ngày 10/5/2005 đã trưởng thành và tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung thì giữa ông với bà T có đất và nhà ở gắn liền với đất tọa lạc ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ nhưng ông thống nhất không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Về nội dung thì thấy mối quan hệ của bà T và ông G sống chung, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng, do đó đề nghị tuyên không công nhận quan hệ giữa bà Phan Thị T và ông Huỳnh Minh G là vợ chồng. Các vấn đề về con chung tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà T là người khởi kiện trong vụ án ly hôn nên đề nghị buộc bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã V, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà T trình bày cho rằng giữa bà và ông G sống chung không đăng ký kết hôn là phù hợp nội dung Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 67/UBND-XNTTHN ngày 08/8/2024 của UBND xã V *"Tình trạng hôn nhân người tên Phan Thị T hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai"* (bl 02) và biên bản xác minh ngày 18/12/2024 là "*Ông Huỳnh Minh G không có thông tin đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng"* (bl 31). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, mối quan hệ giữa bà T và ông G không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, tuyên không công nhận quan hệ giữa bà T và ông G là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà T và ông Giàu C một người con tên Huỳnh Hồng N, sinh ngày 10/5/2005 đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân và các bên không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, bà Phan Thị T phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị T và ông Huỳnh Minh G là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Bà Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007951 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, bà T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Vĩnh Lợi, thành phố Cần Thơ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai